TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HC-PT
Ngày: 28 - 02 - 2019.
"V/v: Khiếu kiện Thông báo thuế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tùng.

- *Các Thẩm phán:*

+ Bà Nguyễn Thị Hằng.

+ Ông Trần Anh Tuấn.

Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trần Thị Xuân Linh Buôn Yă - Chức vụ: Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 05/2018/TLPT-HC ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc "*Khiếu kiện Thông báo thuế*".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2018/HC- ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2019/QĐPT-HC ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trịnh Văn H; địa chỉ: Số 04 A, phường B, thành phố C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S (Văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 01 năm 2019). Có mặt.

- Người bị kiện: Chi cục thuế thành phố C - Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đức H1. Chức vụ: Phó chi cục trưởng chi cục thuế thành phố C địa chỉ: 90 N, thành phố C, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền số 39/UQ- CCT ngày 29/12/2017). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố C - Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Huỳnh Nhật N. Chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường

thành phố C; địa chỉ: Số 01 L, Tp. C, tỉnh Đắk Lắk. (Văn bản ủy quyền số 55/GUQ-UBND ngày 29/12/2017). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C - Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tấn L. Chức vụ: Trưởng bộ phận đăng ký thống kê thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C. địa chỉ: Số 01 L, Tp. C, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền số: 01/GUQ- CNBMT ngày 02/02/2018). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị N- Người đại diện theo ủy quyền ông Trịnh Văn H; địa chỉ: Số 04 A, P. B, Tp. C, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2018).

Người kháng cáo ông Trịnh Văn H là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Người khởi kiện ông Trịnh Văn H và là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N, trình bày:***

Năm 1984 ông được Bộ chỉ huy quân sự T Đắk Lắk cấp 01 lô đất tọa lạc tại tổ dân phố 5, phường T, Tp. C theo nội dung giấy cho sử dụng đất có diện tích 400m^2. Tuy nhiên, diện tích thực tế là 681,3m^2 (Nay thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 79). Sau khi được cấp đất gia đình ông làm nhà tạm năm 1992, đến năm 2003 gia đình ông sửa lại nhà và sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp với ai.

Ngày 21/02/2017, ông nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích đất 681,3m^2. Đến ngày 16/3/2017 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C có công văn số: 270 CN/BMT- ĐKTK đề nghị Ủy ban nhân dân phường T xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng.

Đến ngày 03/5/2017, Phòng tài nguyên và môi trường thành phố C ra văn bản số: 129 CV –TNMT với lý do thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố C tiếp tục đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T tiếp tục xác minh lại nguồn gốc thời điểm sử dụng đất của gia đình ông. Sau đó, ông nhận được Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: 8498/TB- CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục thuế thành phố C có nội dung "Căn cứ vào phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 1702876 VPĐK ngày 19/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C có nội dung xác định hộ gia đình ông phải nộp tiền sử dụng đất nên Chi cục thuế thành phố C ấn định mức thuế phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với phần diện tích là 300m^2 đất ở. Cụ thể: phải nộp tiền sử dụng đất là 1.650.000.000 đồng và tiền nộp phí trước bạ là 16.643.000 đồng.

Ngày 31/07/2017, ông có đơn đề nghị ghi nợ nghĩa vụ tài chính được Ủy ban nhân dân phường T xác nhận. Ngày 09/8/2017 Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 629871, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 79, đứng tên hộ ông Trịnh Văn H, bà Nguyễn Thị N, đồng thời có ghi nợ nghĩa vụ tài chính. Việc Chi cục thuế xác định mức nộp 50% tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình ông là không đúng ông đã khiếu nại lần đầu ngày 14/8/2017. Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố C đã ban hành quyết định số: 4420- QĐGQKN về việc giải quyết khiếu nại

lần đầu của ông. Theo nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu thì cơ quan thuế căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 điều 8 Nghị định số 45/2014 NĐCP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc thu tiền sử dụng đất tính tiền sử dụng đất cho gia đình ông là không đúng pháp luật.

Do không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại trên, ông khởi kiện Thông báo nộp tiền sử dụng đất của Chi cục thuế thành phố C. Đồng thời đề nghị Tòa án căn cứ Điều 6 Luật tố tụng hành chính xem xét tính hợp pháp của phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 1702876 VPĐK ngày 19/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C. Theo quy định thì nếu hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định mà có một trong các loại giấy tờ theo khoản 1 Điều 100 Luật đất đai thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất. Do vậy, Chi cục thuế thành phố C Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 8, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ để tính tiền sử dụng đất cho hộ gia đình ông 50% là không đúng quy định pháp luật. Ông yêu cầu Tòa án tuyên hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: 8498/TB-CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục thuế thành phố C để xác định lại nghĩa vụ tài chính cho hộ gia đình ông theo đúng quy định pháp luật.

**** Người bị kiện Chi cục Thuế thành phố C, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đức H1 tại phiên tòa vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông H1 trình bày:***

Ngày 10/7/2017, Chi cục thuế thành phố C nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C đối với lô đất của ông Trịnh Văn H, cụ thể:

+ Thửa đất số 110; Tờ bản đồ số 79.

+ Địa chỉ tại: Phường T, Tp. C, Đắk Lắk.

+ Loại đường, khu vực: đường Đ, đoạn D đến hết lô L6, khu dân cư Đ;

+ Vị trí: Đất trồng cây lâu năm - vị trí 1 (Tổ dân phố 5) thuộc quy hoạch đất ở.

+ Diện tích thửa đất: 681,3m^2; sử dụng riêng: 681,3m^2

+ Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất: 300 m^2;

+ Diện tích trong hạn mức: 300 m^2 (Theo cam kết ngày 20/02/2017);

+ Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị 300 m^2, đất trồng cây lâu năm: 381,3m^2

+ Thời hạn sử dụng đất: có thời hạn đến ngày 01/7/2064

+ Nguồn gốc sử dụng đất: Bộ chỉ huy quân sự T Đắk Lắk cấp năm 1984;

+ Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ năm 2003;

+ Đối tượng thuộc diện phải nộp tiền sử dụng đất theo trường hợp: Theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 8 của Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, kèm theo hồ sơ theo quy định.

Hồ sơ, tài liệu lưu giữ tại Chi cục thuế Tp. C liên quan tới Thông báo nghĩa vụ tài chính như sau: Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 1702876/2017/PCTTĐC, Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 17/7/2017; Công văn số 178/CV-VPĐKĐĐ ngày 12/6/2017; phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng đất; trích lục bản đồ địa chính ký ngày 04/4/2017; biên bản kiểm tra nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất ngày 23/3/2017; giấy cam kết ngày 20/02/2017; đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 05/12/2016; biên bản kiểm tra nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất ngày 12/02/2016; giấy ủy quyền không ngày tháng năm 2016; giấy xác nhận đóng thuế nhà đất ở; biên bản xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất; kết luận số 101/KL-UBND ngày 28/9/2007 của Chủ tịch UBND Tp. C; Công văn số 933/CV-BCHQS ngày 06/8/2007 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh ĐăkLăk v/v trả lời UBND tỉnh và Tp. C; đơn xin cấp xác nhận đất; giấy cho sử dụng đất số 837/SDĐ ngày 15/10/1984 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk; chỉ thị giao đất ngày 11/7/1991; tờ khai tiền sử dụng đất; tờ khai lệ phí trước bạ, nhà đất (Ghi ngày 20/02/2017, người khai: Ông Trịnh Văn H); bảng xác định giá trị bất động sản và tính thuế của Chi cục thuế: Tiền sử dụng đất phải nộp mức 50% là: 1.650.000.000 đồng. Tiền lệ phí trước bạ mức 0,5%: 16.642.987 đồng. Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8498/TB - CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục Thuế Tp. C với số tiền sử dụng đất ông H phải nộp là: 1.650.000.000 đồng. Thông báo nộp lệ phí, trước bạ nhà, đất ngày 26/7/2017 của Chi cục Thuế Tp. C với số tiền lệ phí trước bạ ông H phải nộp là: 16.642.987 đồng.

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH, Luật đất đai số 45/2013/QH 13 ngày 29/11/2013, điểm c khoản 1 điều 8 của Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính, các hồ sơ, tài liệu có liên quan và Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Uỷ ban nhân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Chi cục thuế đã tính và ra thông báo tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đối với thửa đất của ông H như sau:

+ Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8498/TB - CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục thuế Tp. C với số tiền sử dụng đất ông H phải nộp là: 1.650.000.000 đồng.

+ Thông báo nộp lệ phí, trước bạ nhà, đất ngày 26/7/2017 của Chi cục thuế Tp. C với số tiền lệ phí trước bạ ông H phải nộp là: 16.642.987 đồng.

Sau khi nhận Thông báo thuế, ngày 03/8/2017 ông H đã có đơn khiếu nại gửi đến Chi cục Thuế. Ngày 14/8/2017 Chi cục thuế ban hành quyết định khiếu nại lần đầu số: 4420/QĐ-CCT không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông H.

Như vậy, Chi cục thuế đã phát hành thông báo trên là đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trinh tự thủ tục, căn cứ pháp lý. Nay ông Trịnh Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất số: 8498/TB-CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục thuế, ý kiến của Chi cục thuế thành phố C là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tấn L tại phiên tòa ông L vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông L trình bày:

Căn cứ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trịnh Văn H; hồ sơ thẩm định của Ủy ban nhân dân phường T đối với lô đất của ông Trịnh Văn H. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C xét thấy: Diện tích đất của ông H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc: Do Bộ chỉ huy quân sự T Đắk Lắk cấp cho ông Trịnh Văn H năm 1984 với diện tích 400m^2 đất để làm nhà ở, hộ ông H làm nhà ở năm 2003 và sử dụng ổn định cho đến nay. Phần diện tích đất tăng 281.3m^2 là do sai số đo đạc.

Căn cứ khoản 2, Mục V, Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước, quy định " *2. Thẩm quyền về giao đất để sử dụng: a. Việc giao đất nông nghiệp, đất thổ cư nông thôn và đô thị trên 2 hécta hoặc phải di dân trên 20 hộ để lấy đất làm việc khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định; từ 2 hécta trở xuống hoặc phải di dân từ 20 hộ trở xuống do chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định".* Căn cứ quy định trên thì đất của Bộ chỉ quy quân sự T Đắk Lắk giao là đất được giao không đúng thẩm quyền.

Căn cứ Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: "*1. Đất giao không đúng thẩm quyền cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều này bao gồm các trường hợp người đứng đầu điểm dân cư giao đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã giao đất không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ; tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng nhưng đã tự phân phối, bố trí cho cán bộ, công nhân viên, xã viên để sử dụng làm nhà ở và các mục đích khác.*

2. Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì người đang sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã được giao theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định này.

Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 8, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định việc xác định tiền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất được giao không đúng thẩm quyền như sau:

"*c) Trường hợp sử dụng đất có nhà ở ổn định trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất, khi được cấp Giấy chứng nhận thì thu tiền sử dụng đất như sau:*

Trường hợp đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì thu tiền sử dụng đất bằng 40% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích đất trong hạn mức giao đất ở tại địa phương theo giá đất quy định tại Bảng giá

đất tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bằng 100% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở (nếu có) theo giá đất quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp đất đã được sử dụng ổn định từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì thu tiền sử dụng đất bằng 50% tiền sử dụng đất đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất; bằng 100% tiền sử dụng đất đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở (nếu có) theo giá đất quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền".

Căn cứ quy định trên, ngày 03/4/2017 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố ký đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trình Phòng Tài nguyên và môi trường Thành phố và UBND Thành phố C theo quy định. Ngày 07/7/2017 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 728/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trịnh Văn H đối với thửa đất trên. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố lập phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính xác định 300m^2 đất ở phải nộp tiền sử dụng đất và chuyển Chi cục thuế thành phố. Việc xác định mức thuế phải nộp, số tiền cụ thể phải nộp là bao nhiêu thì do Chi cục thuế thành phố xác định. Còn về việc xác định nguồn gốc đất là do Ủy ban nhân dân phường kiểm tra, xác minh theo quy định theo quy định khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Ngày 26/07/2017 Chi cục thuế thành phố phát hành thông báo nghĩa vụ tài chính cho hộ ông Trịnh Văn H. Cụ thể: phải nộp tiền sử dụng đất là 1.650.000.000 đồng và tiền nộp phí trước bạ là 16.643.000 đồng. Ngày 31/07/2017 hộ ông Trịnh Văn H có đơn đề nghị ghi nợ nghĩa vụ tài chính được UBND phường T xác nhận ngày 31/7/2017. Ngày 09/8/2017 UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trịnh Văn H theo Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 09/8/2017, đồng thời có ghi nợ nghĩa vụ tài chính.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu hủy thông báo nộp thuế đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C đã làm đúng quy định của pháp luật nên không có ý kiến gì.

***2. Ủy ban nhân dân thành phố C, người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Nhật N tại phiên tòa ông N vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông N trình bày*:**

Ngày 21/02/2017, ông Trịnh Văn H nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 110; Tờ bản đồ số 79, diện tích 681,3m^2 trong đó: 300m^2 đất ở còn lại là đất nông nghiệp, tọa lạc tại phường T, Tp. C.

Nguồn gốc đất: Bộ chỉ huy quân sự T Đắk Lắk cấp cho ông H năm 1984 với diện tích 400m^2 đất để làm nhà ở. Hộ ông H làm nhà ở từ năm 2003 và sử dụng ổn định cho đến nay. Phần diện tích 281,3m^2 là do sai số đo đạc (Theo biên bản kiểm tra nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất ngày 19/4/2017 của UBND phường T).

Căn cứ nguồn gốc đất trên, căn cứ Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, UBND thành phố C ban hành Quyết định số 728/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H đối với thửa đất trên. Sau khi UBND thành phố C ban hành Quyết định công nhận quyền sử dụng đất, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C lập phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính xác định 300m^2 đất ở phải nộp tiền sử dụng đất, thuộc đoạn đường Đ, đoạn D đến hết lô L6 khu dân cư Đ và chuyển Chi cục thuế thành phố C xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định. Ngày 26/7/2017 Chi cục thuế thành phố C phát hành thông báo nghĩa vụ tài chính cho ông Trịnh Văn H. Ngày 31/7/2017, hộ ông H có đơn đề nghị ghi nợ nghĩa vụ tài chính được UBND phường T xác nhận. Ngày 09/8/2017, UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trịnh Văn H theo Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 09/8/2017, đồng thời có ghi nợ nghĩa vụ tài chính.

Việc UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục quy định pháp luật. Ông H yêu cầu hủy Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính, đề nghị Tòa án căn cứ các tài liệu chứng cứ của các bên liên quan giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2018/HC-ST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 khoản 3 Điều 158, khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ khoản 3 Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điểm c khoản 1 Điều 8; khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, quy định về thu tiền sử dụng đất; Điều 8 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính; Quyết định số 43/2014/QĐ- UBND ngày 22/12/2014 của UBND Tỉnh Đắk Lắk "Về ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố của tỉnh năm 2015";

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn H: Về việc yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: 8498/TB - CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục Thuế thành phố C đối với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 629871, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 79, tại phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh

Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 09/8/2017 đứng tên hộ ông Trịnh Văn H, bà Nguyễn Thị N.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử xong, ngày 08/10/2018, người khởi kiện ông Trịnh Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung bản án có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, kết luận của bản án không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Trịnh Văn H, đề nghị hủy Thông báo số: 8498/TB-CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục thuế thành phố C về việc nộp tiền sử dụng đất. Việc Chi cục thuế thành phố C buộc hộ gia đình ông Trịnh Văn H nộp số tiền 1.650.000.000 đồng tương ứng với 50% tiền sử dụng đất là chưa đúng với quy định của pháp luật. Ông Trịnh Văn H hiện đang sử dụng diện tích đất 681,3m^2 (Đất ở đô thị: 300m^2; đất nông nghiệp 381,3m^2) ở phường T, thành phố C, tại thửa đất số: 110; tờ bản đồ số: 79. Nguồn gốc là do ông H được Bộ chỉ hy quân sự cấp năm 1984, vào năm 1992 thì ông H cùng gia đình đã làm nhà ở ổn định trên đất từ đó đến nay. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 8 nghị định số: 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, ông Trịnh Văn H chỉ phải nộp thuế sử dụng 40%.

Do đó kháng cáo của ông H có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông H, sửa bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2018/HC-ST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C theo hướng hủy thông báo số: 8498/TB-CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục thuế thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Trịnh Văn H cho rằng: Gia đình ông thuộc trường hợp cấp GCNQSĐ và nhà ở không phải nộp tiền sử dụng đất, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 15/10/1984, ông Trịnh Văn H được Bộ chỉ huy quân sự T Đắk Lắk cấp cho diện tích đất ở 400m^2 tại khu vực Trinh sát, phường Thắng Lợi, thị xã Buôn Ma Thuột (Nay Tổ dân phố 5, phường T, thành phố C), tỉnh Đắk Lắk. Thực tế hiện nay ông H sử dụng 681,3m^2, tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 79, sau khi được cấp đến năm 1992, ông H làm nhà ở trên đất và sử dụng ổn định từ đó đến nay không có ai tranh chấp.

[1.1] Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 213, Nghị định số: 43/214/NĐ-Cp ngày 15/5/2014 quy định hướng dẫn về việc thực hiện cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình sử dụng đất có nguồn gốc được cấp trước năm 1993. Hội đồng xét xử xét thấy, tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

"Điều 100 Luật đất đai năm 2013 quy định: Cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định mà có một trong các loại giấy tờ sau đây thì được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền.

a) Những giấy tờ về quyền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Công hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

...

g) Các loại giấy tờ khác được xác lập trước ngày 15/10/1993 theo quy định của Chính phủ.

2. Hộ gia đình, các nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo về việc chuyển quyền sở dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan, nhưng đến trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luât và đất không có tranh chấp thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất".

[1.2] Căn cứ Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định: Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 của Luật đất đai.

…

1….

7. Giấy tờ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất cho cơ quan, tổ chức để bố trí đất cho cán bộ, công nhân viên tự làm nhà hoặc xây dựng nhà ở để phân (Cấp cho cán bộ công nhân ……"

[1.3] Căn cứ Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai trong phạm vi điều chỉnh Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ…

"…

16. Sửa đổi điểm c, bổ sung các điểm d, d, e vào khoản 2 Điều 18 như sau:

c)…

e) Giấy tờ của đơn vị quốc phòng giao đất cho cán bộ, chiến sỹ làm nhà ở trước ngày 15/10/1993 theo chỉ thị 282/CT-QP ngày 11/7/1991 của Bộ Quốc phòng mà việc giao đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất làm nhà ở của cán bộ, chiến sỹ trong quy hoạch đất quốc phòng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt".

[2] Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.1] Tại Công văn số: 933/CV-BCH-QS ngày 06/8/2007 của Bộ chỉ huy quân sự T Đắk Lắk về việc trả lời cho UBND thành phố C biết "…Ông Trịnh Văn H có công tác trong quân đội hai năm hai tháng, nhưng không thuộc bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk…".

[2.2] Tại Biên bản kiểm tra nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất ngày 12/01/2016 của UBND phường T, thành phố C xác nhận "Hộ ông Trịnh Văn H (nhà tạm) từ năm 1992, đến năm 2003 hộ ông Trịnh Văn H làm nhà tạm cấp 4, sử dụng ổn định đến nay"

Từ những phân tích đánh giá chứng cứ nêu trên và áp dụng các văn bảm theo quy định của pháp luật thì hộ ông Trịnh Văn H, thuộc trường hợp sử dụng đất không phải nộp thuế sử dụng đất, xét kháng cáo của ông Hlà có căn cứ cần được chấp nhận. Do vậy, sửa bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2018/HCST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trịnh Văn H.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm, ông Hđược chấp nhận đơn khởi kiện và chấp nhận đơn kháng cáo nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Chi cục thuế thành phố C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trịnh Văn H.

Sửa bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2018/HCST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trịnh Văn H

- Áp dụng Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

- Áp dụng điểm a, g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

- Áp dụng khoản 7 Điều 18; Điều 21 và khoản 2 Điều 23 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số của điều Luật đất đai và điểm e Điều 16 Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất số: 8498/TB - CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục Thuế thành phố C đối với thửa đất số 110, tờ bản đồ số 79 tại phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 629871 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 09/8/2017 đứng tên hộ ông Trịnh Văn H, bà Nguyễn Thị N.

[3] Về án phí hành chính:

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Chi cục thuế thành phố C phải chịu 300.000 án phí hành chính sơ thẩm.

- Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trịnh Văn H không phải chịu án phí hành chính phúc hẩm.

Hoàn trả cho ông Trịnh Văn H đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn MaThuột số tiền 300.000 đồng theo Biên lai số: AA/2016/0004756 ngày 01/12/2017 và 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0008303 ngày 12/10/2018.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. C;
- Chi cục THA DS TP. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Tùng